TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2023/DS-PT
Ngày: 15/6/2023
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Ông H3 Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 16 tháng 3, ngày 25 tháng 5 và 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 373/2022/TLPT- DS ngày 17/11/2022 về việc "Tranh chấp thia kế tài sản".

Do có kháng cáo của Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thúy H1, bà Huỳnh Thu T3, bà Huỳnh Thị P1, bà Huỳnh Thu T2 đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 202 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị T1 - sinh năm 1961 (có mặt)

Cư trú tại : Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Thanh Thuận – Văn phòng Luật sư Lê Thanh Thuận, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Vương Bửu C1 (Vương Thị Bửu Cầm) – sinh năm: 1952.

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của Vương Thị Bửu Cầm: Anh Huỳnh Vương Q1, sinh năm 1987 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C . là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 8 năm 2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Huỳnh Ni – Công ty Luật TNHH Tô Văn Chánh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Những người có quyền quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Huỳnh Thị P1 – sinh năm: 1964 (vắng mặt 15/6/2023).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà P1: Bà Huỳnh Thúy H1 (theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2023)

2/ Bà Huỳnh Thúy H1 – sinh năm: 1966 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

3/ Ông Huỳnh H2 – sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số 23, Trương Phùng Xuân, khóm 5, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

4/ Ông Huỳnh Văn D1 – sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

5/ Bà Huỳnh Hồng L1 – sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

6/ Bà Huỳnh Thu T2 – sinh năm: 1974.

Cư trú tại: Ấp 3, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thu T2: Bà Lưu Thị Nhi – sinh năm: 1984 (vắng mặt) và bà Huỳnh Thị P1, sinh năm 1964 (vắng mặt ngày 15/6/2023).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C . là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2018 và ngày 02/3/2022).

7/ Bà Huỳnh Thu T3 – sinh năm: 1978.

Cư trú tại: Số 322, Lê Hồng Phong, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thu T3:

- Ông Huỳnh Văn D1 – sinh năm: 1973

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C . là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2018). (vắng mặt ngày 15/6/2023).

- Bà Huỳnh Thúy H1 – sinh năm: 1966 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C . là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2022).

8/ Ông L1 Thanh B – sinh năm: 1951 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

9/ Ông Tạ Phú N2 (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Phú N2:

- Bà Huỳnh Thị D2, sinh năm 1951 (vắng mặt).

- Bà Tạ Thị G, sinh năm 1977 (vắng mặt).

- Anh Tạ Phú M1, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

10/ Bà Trần Tuyết Quyên (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần Tuyết Quyên:

- Ông T2 Thanh L2 – sinh năm: 1950.

- Bà T2 Hồng Tươi.

Cùng cư trú tại: Số 7B, Nguyễn Trãi, khóm 3, phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông T2 Thanh L2 và bà T2 Hồng Tươi: Ông T2 Vĩnh Tường, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Cái Su, xã Tân Hòa, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2022).

11/ Anh Huỳnh Vương Q1 – sinh năm: 1987 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

12/ Ban Quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ông T2, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

13/ Ông L1 Văn Trong (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

14/ Anh Phan Quang Phục (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

15/ Chị Lương Huỳnh L3 – sinh năm: 1991(vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

16/ Bà Lý Thị T7 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

17/ Ông Văn Đức C2 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

18/ Bà Hồng Thị N3, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

19/ Ông L1 Chiến Hữu, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

20/ Ông Lưu Văn Vĩnh, sinh năm 1958 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

21/ Ông Lương Huỳnh Hảo (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

22/ Ủy nhân dân xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thúy H1, Huỳnh Thu T3, Huỳnh Thị P1, Huỳnh Thu T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 26/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị T1 trình bày: Vào năm 1959 cha bà là ông Huỳnh Văn Chên sống với mẹ bà có được 08 người con, đến năm 1984 mẹ bà chết. Đến năm 1986 ông Chên sống chung như vợ chồng với bà Vương Bửu C1 có 01 người con tên Huỳnh Vương Q1, sinh năm 1987. Năm 1990 ông Chên và bà C1 ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm căn). Toàn bộ tài sản ông Chên để lại cho bà C1 quản lý. Năm 1994 bà cùng anh em của bà mua 01 phần đất vuông, diện tích 1.1 ha của ông Võ Văn Tùng (do ông Lý Cương sang nhượng lại cho ông Võ Văn Tùng) ở Kênh Lão Nhược thuộc ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển phần đất do ông Chên quản lý, đến năm 1994 thì ông Huỳnh Văn Chên sang nhượng lại từ ông Tùng. Năm 1996 bà C1 làm ăn thất bại và quay về sống chung với ông Chên, không đăng ký kết hôn. Năm 2005 ông Chên chết không để lại di chúc. Phần đất trên bà C1 và ông Q1 canh tác đến nay. Phần đất trước đây ông Chên chưa được cấp sổ giao khoán nhưng các thủ tục trước đó đều do ông Chên ký với Lâm trường.

Nay bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 8.901,7m^2 tọa lạc tại ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau do ông Huỳnh Văn Chên chết để lại. Bà yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 1.271,6m^2, giá trị theo chứng thư thẩm định giá là 50.866.000 đồng (Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Đối với các tài sản trên đất gồm căn nhà của bà, căn nhà bà H1, 02 căn nhà của bà C1 bà không yêu cầu. Bà thống nhất với kết quả đo đạc và định giá tài sản.

Năm 2017, bà và chồng là ông Vĩnh có thuê phần đất của bà C1 chiều ngang là 05m, chiều dài 03m, hai bên chỉ nói miệng không làm giấy tờ, do có xảy ra tranh chấp nên đến nay vợ chồng bà chưa trả tiền thuê đất cho bà C1. Vợ chồng bà đã cất nhà ở trên phần đất thuê từ năm 2017 đến nay, nếu được chia đất đúng vị trí đất mà bà đang cất nhà thì bà không đặt ra yêu cầu gì đối với căn nhà bà đã cất, nếu không đúng vị trí đất đang cất nhà thì bà đồng ý tự di dời nhà, không đặt ra yêu cầu gì. Còn đối với tiền thuê đất, bà không đồng ý trả vì đây là đất của cha bà để lại, bà được quyền ở nên không phải trả tiền. Bà yêu cầu được nhận đất, không đồng ý nhận giá trị đất.

Đối với các khoản nợ của ông Chên để lại gồm: Nợ của ông L1 Văn Bình 05 chỉ vàng 24k, nợ ông T2 Thanh L2 15 chỉ vàng 24k, nợ ông Tạ Phú N2 02 chỉ vàng

24k bà thống nhất nếu được chia đất thì 07 chị em bà sẽ có trách nhiệm trả cho những người này, còn không được chia đất thì sẽ không đồng ý trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Vương Thị Bửu Cầm trình bày: Vào năm 1982 thì bà và ông Huỳnh Văn Chên chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn, đến năm 1990 thì không sống chung với nhau nữa có ra Tòa là thủ tục ly hôn, thời điểm này sống ở nơi ông Chên làm việc không sống trên phần đất đang xảy ra tranh chấp. Về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là vào năm 1994 bà sang nhượng của ông Nguyễn Thanh Tùng sau khi bà và ông Chên ly hôn, giá sang nhượng là 28 chỉ vàng 24k. Đến năm 1996 thì bà và ông Chên về chung sống lại nhưng không đăng ký kết hôn, ông Chên về sống cùng bà trên phần đất bà đã sang nhượng. Nay các con của ông Chên yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất của bà đã sang nhượng thì bà không đồng ý, vì phần đất này do bà tự sang nhượng, là tài sản riêng của bà, không liên quan đến ông Chên và các con của ông Chên. Bà thống nhất với kết quả đo đạc và định giá tài sản. Phần đất này đến nay chưa được cấp sổ giao khoán.

Đối với các khoản nợ mà những người con của ông Chên trình bày là ông Chên để lại gồm: Nợ của ông L1 Văn Bình 05 chỉ vàng 24k, nợ ông T2 Thanh L2 15 chỉ vàng 24k, nợ ông Tạ Phú N2 02 chỉ vàng 24k bà không đồng ý trả vì nợ không có giấy tờ chứng minh, nếu chứng minh được có giấy tờ vay mượn thì bà sẽ cùng những người con của ông Chên để trả các khoản nợ này.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị P1 trình bày: Vào năm 1959 cha bà là ông Huỳnh Văn Chên sống với mẹ bà có được 08 người con, đến năm 1984 mẹ bà chết. Đến năm 1986 ông Chên sống chung như vợ chồng với bà Vương Bửu C1 có 01 người con tên Huỳnh Vương Q1, sinh năm 1987. Năm 1990 ông Chên và bà C1 ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm căn). Toàn bộ tài sản ông Chên để lại cho bà C1 quản lý. Năm 1994 bà cùng anh em của bà mua 01 phần đất vuông, diện tích 1.1 ha của ông Võ Văn Tùng (do ông Lý Cương sang nhượng lại cho ông Võ Văn Tùng) ở Kênh Lão Nhược thuộc ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển phần đất do ông Chên quản lý, đến năm 1994 thì ông Huỳnh Văn Chên sang nhượng lại từ ông Tùng. Năm 1996 bà C1 làm ăn thất bại và quay về sống chung với ông Chên, không đăng ký kết hôn. Năm 2005 ông Chên chết không để lại di chúc. Phần đất trên bà C1 và ông Q1 canh tác đến nay. Phần đất trước đây ông Chên chưa được cấp sổ giao khoán nhưng các thủ tục trước đó đều do ông Chên ký với Lâm trường.

Bà yêu cầu được nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.271,6m^2, giá trị theo chứng thư thẩm định giá là 50.866.000 đồng (Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Đối với các tài sản trên đất gồm căn nhà của bà H1, căn nhà bà T1, 02 căn nhà của bà C1 bà không yêu cầu chia. Bà thống nhất với kết quả đo đạc và định giá tài sản.

Đối với các khoản nợ của ông Chên để lại gồm: Nợ của ông L1 Văn Bình 05 chỉ vàng 24k, nợ ông T2 Thanh L2 15 chỉ vàng 24k, nợ ông Tạ Phú N2 02 chỉ vàng 24k bà thống nhất nếu được chia đất thì 07 chị em bà sẽ có trách nhiệm trả cho những người này, còn không được chia đất thì sẽ không đồng ý trả.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thúy H1 trình bày: Vào năm 1959 cha bà là ông Huỳnh Văn Chên sống với mẹ bà có được 08 người con, đến năm 1984 mẹ bà chết. Đến năm 1986 ông Chên sống chung như vợ chồng với bà Vương Bửu C1 có 01 người con tên Huỳnh Vương Q1, sinh năm 1987. Năm 1990 ông Chên và bà C1 ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm căn). Toàn bộ tài sản ông Chên để lại cho bà C1 quản lý. Năm 1994 bà cùng anh em của bà mua 01 phần đất vuông, diện tích 1.1 ha của ông Võ Văn Tùng (do ông Lý Cương sang nhượng lại cho ông Võ Văn Tùng) ở Kênh Lão Nhược thuộc ấp NHưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển phần đất do ông Chên quản lý, đến năm 1994 thì ông Huỳnh Văn Chên sang nhượng lại từ ông Tùng. Năm 1996 bà C1 làm ăn thất bại và quay về sống chung với ông Chên, không đăng ký kết hôn. Năm 2005 ông Chên chết không để lại di chúc. Phần đất trên bà C1 và ông Q1 canh tác đến nay. Phần đất trước đây ông Chên chưa được cấp sổ giao khoán nhưng các thủ tục trước đó đều do ông Chên ký với Lâm trường.

Bà yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 1.271,6m^2, giá trị theo chứng thư thẩm định giá là 50.866.000 đồng (Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Đối với các tài sản trên đất gồm căn nhà của bà, căn nhà bà T1, 02 căn nhà của bà C1 bà không yêu cầu chia. Bà thống nhất với kết quả đo đạc và định giá tài sản. Bà và ông chồng là ông H3 có thuê phần đất của bà C1 ngang 05m, dài 12m, thời gian thuê là 05 năm từ năm 2016, giá thuê là 03 triệu/năm. Vợ chồng bà đã cất nhà ở trên phần đất thuê từ năm 2016 đến nay, nếu được chia đất đúng vị trí đất mà bà đang cất nhà thì bà không đặt ra yêu cầu gì đối với căn nhà bà đã cất, nếu không đúng vị trí đất đang cất nhà thì bà đồng tự di dời nhà, không đặt ra yêu cầu gì. Còn đối với tiền thuê đất, bà đã trả được 01 năm, bà không đồng ý trả tiếp vì đây là đất của cha bà để lại, bà được quyền ở nên không phải trả tiền. Bà yêu cầu được nhận đất, không đồng ý nhận giá trị.

Đối với các khoản nợ của ông Chên để lại gồm: Nợ của ông L1 Văn Bình 05 chỉ vàng 24k, nợ ông T2 Thanh L2 15 chỉ vàng 24k, nợ ông Tạ Phú N2 02 chỉ vàng 24k bà thống nhất nếu được chia đất thì 07 chị em bà sẽ có trách nhiệm trả cho những người này, còn không được chia đất thì sẽ không đồng ý trả.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Văn D1 trình bày: Vào năm 1959 cha ông là ông Huỳnh Văn Chên sống với mẹ ông có được 08 người con, đến năm 1984 mẹ ông chết. Đến năm 1986 ông chên sống chung như vợ chồng với bà Vương Bửu C1 có 01 người con tên Huỳnh Vương Q1, sinh năm 1987. Năm 1990 ông Chên và bà C1 ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm căn). Toàn bộ tài sản ông Chên để lại cho bà C1 quản lý. Năm 1994 ông cùng anh chị em của ông mua 01 phần đất vuông, diện tích 1.1ha của ông Võ Văn Tùng (do ông Lý Cương sang nhượng lại cho ông Võ Văn Tùng) ở Kênh Lão Nhược thuộc ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển phần đất do ông Chên quản lý, đến năm 1994 thì ông Huỳnh Văn Chên sang nhượng lại từ ông Tùng. Năm 1996 bà C1 làm ăn thất bại và quay về sống chung với ông Chên, không đăng ký kết hôn. Năm 2005 ông Chên chết không để lại di chúc. Phần đất trên bà C1 và ông Q1 canh tác đến nay. Phần đất trước đây ông Chên chưa được cấp sổ giao khoán nhưng các thủ tục trước đó đều do ông Chên ký với Lâm trường.

Nay ông yêu cầu được nhận 01 phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.271,6m^2, giá trị theo chứng thư thẩm định giá là 50.866.000 đồng (Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Đối với các tài sản trên đất gồm căn nhà của bà H1, căn nhà bà T1, 02 căn nhà của bà C1 ông không yêu cầu chia. Ông thống nhất với kết quả đo đạc và định giá tài sản. Về nguồn gốc đất ông thống nhất theo ý kiến của bà T1, không bổ sung gì thêm. Đối với các khoản nợ do ông Chên để lại, ông đồng ý với ý kiến của bà T1, không có ý kiến gì khác. Trong quá trình giải quyết vụ án Ông D1 có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thu T3 trình bày: Vào năm 1959 cha bà là ông Huỳnh Văn Chên sống với mẹ bà có được 08 người con, đến năm 1984 mẹ bà chết. Đến năm 1986 ông Chên sống chung như vợ chồng với bà Vương Bửu C1 có 01 người con tên Huỳnh Vương Q1, sinh năm 1987. Năm 1990 ông Chên và bà C1 ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm căn). Toàn bộ tài sản ông Chên để lại cho bà C1 quản lý. Năm 1994 bà cùng anh chị em của bà mua 01 phần đất vuông, diện tích 1.1 ha của ông Võ Văn Tùng (do ông Lý Cương sang nhượng lại cho ông Võ Văn Tùng) ở Kênh Lão Nhược thuộc ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển phần đất do ông Chên quản lý, đến năm 1994 thì ông Huỳnh Văn Chên sang nhượng lại từ ông Tùng. Năm 1996 bà C1 làm ăn thất bại và quay về sống chung với ông Chên, không đăng ký kết hôn. Năm 2005 ông Chên chết không để lại di chúc. Phần đất trên bà C1 và ông Q1 canh tác đến nay. Phần đất trước đây ông Chên chưa được cấp sổ giao khoán nhưng các thủ tục trước đó đều do ông Chên ký với Lâm trường.

Nay bà T3 yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 1.271,6m^2, giá trị theo chứng thư thẩm định giá là 50.866.000 đồng (Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Đối với các khoản nợ của ông Chên để lại gồm: Nợ của ông L1 Văn Bình 05 chỉ vàng 24k, nợ ông T2 Thanh L2 15 chỉ vàng 24k, nợ ông Tạ Phú N2 02 chỉ vàng 24k bà thống nhất nếu được chia đất thì 07 chị em bà sẽ có trách nhiệm trả cho những người này, còn không được chia đất thì sẽ không đồng ý trả.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Hồng L1 trình bày: Vào năm 1959 cha bà là ông Huỳnh Văn Chên sống với mẹ bà có được 08 người con, đến năm 1984 mẹ bà chết. Đến năm 1986 ông Chên sống chung như vợ chồng với bà Vương Bửu C1 có 01 người con tên Huỳnh Vương Q1, sinh năm 1987. Năm 1990 ông Chên và bà C1 ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm căn). Toàn bộ tài sản ông Chên để lại cho bà C1 quản lý. Năm 1994 bà cùng anh em của bà mua 01 phần đất vuông, diện tích 1.1ha của ông Võ Văn Tùng (do ông Lý Cương sang nhượng lại cho ông Võ Văn Tùng) ở Kênh Lão Nhược thuộc ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển phần đất do ông Chên quản lý, đến năm 1994 thì ông Huỳnh Văn Chên sang nhượng lại từ ông Tùng. Năm 1996 bà C1 làm ăn thất bại và quay về sống chung với ông Chên, không đăng ký kết hôn. Năm 2005 ông Chên chết không để lại di chúc. Phần đất trên bà C1 và ông Q1 canh tác đến nay. Phần đất trước đây ông Chên chưa được cấp sổ giao khoán nhưng các thủ tục trước đó đều do ông Chên ký với Lâm trường.

Bà yêu cầu được nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.271,6m^2, giá trị theo chứng thư thẩm định giá là 50.866.000 đồng (Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Đối với các tài sản trên đất gồm căn nhà của bà H1, căn

nhà bà T1, 02 căn nhà của bà C1 bà không yêu cầu chia. Bà thống nhất với kết quả đo đạc và định giá tài sản.

Đối với các khoản nợ của ông Chên để lại gồm: Nợ của ông L1 Văn Bình 05 chỉ vàng 24k, nợ ông T2 Thanh L2 15 chỉ vàng 24k, nợ ông Tạ Phú N2 02 chỉ vàng 24k bà thống nhất nếu được chia đất thì 07 chị em bà sẽ có trách nhiệm trả cho những người này, còn không được chia đất thì sẽ không đồng ý trả.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thu T2 trình bày: Vào năm 1959 cha bà là ông Huỳnh Văn Chên sống với mẹ bà có được 08 người con, đến năm 1984 mẹ bà chết. Đến năm 1986 ông Chên sống chung như vợ chồng với bà Vương Bửu C1 có 01 người con tên Huỳnh Vương Q1, sinh năm 1987. Năm 1990 ông Chên và bà C1 ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm căn). Toàn bộ tài sản ông Chên để lại cho bà C1 quản lý. Năm 1994 bà cùng anh em của bà mua 01 phần đất vuông, diện tích 1.1ha của ông Võ Văn Tùng (do ông Lý Cương sang nhượng lại cho ông Võ Văn Tùng) ở Kênh Lão Nhược thuộc ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển phần đất do ông Chên quản lý, đến năm 1994 thì ông Huỳnh Văn Chên sang nhượng lại từ ông Tùng. Năm 1996 bà C1 làm ăn thất bại và quay về sống chung với ông Chên, không đăng ký kết hôn. Năm 2005 ông Chên chết không để lại di chúc. Phần đất trên bà C1 và ông Q1 canh tác đến nay. Phần đất trước đây ông Chên chưa được cấp sổ giao khoán nhưng các thủ tục trước đó đều do ông Chên ký với Lâm trường.

Bà yêu cầu được nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.271,6m^2, giá trị theo chứng thư thẩm định giá là 50.866.000 đồng (Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Đối với các tài sản trên đất gồm căn nhà của bà H1, căn nhà bà T1, 02 căn nhà của bà C1 bà không yêu cầu chia. Bà thống nhất với kết quả đo đạc và định giá tài sản.

Đối với các khoản nợ của ông Chên để lại gồm: Nợ của ông L1 Văn Bình 05 chỉ vàng 24k, nợ ông T2 Thanh L2 15 chỉ vàng 24k, nợ ông Tạ Phú N2 02 chỉ vàng 24k bà thống nhất nếu được chia đất thì 07 chị em bà sẽ có trách nhiệm trả cho những người này, còn không được chia đất thì sẽ không đồng ý trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Vương Q1 trình bày: Anh thống nhất với ý kiến của mẹ anh là bà Vương Thị Bửu Cầm, do là tài sản riêng của mẹ anh nên anh không có yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất đang tranh chấp. Các khoản nợ của ông Chên để lại, anh không đồng ý do không có giấy tờ chứng minh. Ngoài ra anh không có ý kiến gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông L1 Chiến Hữu trình bày: Ông và vợ là bà H1 có thuê phần đất của bà C1 ngang 05m, dài 12m, thời gian thuê là 05 năm từ năm 2016, giá thuê là 03 triệu/năm. Vợ chồng ông đã cất nhà ở trên phần đất thuê từ năm 2016 đến nay, nếu được chia đất đúng vị trí đất mà vợ chồng ông đang cất nhà thì ông không đặt ra yêu cầu gì đối với căn nhà đã cất, nếu không đúng vị trí đất đang cất nhà thì ông đồng tự di dời nhà, không đặt ra yêu cầu gì. Còn đối với tiền thuê đất, ông bà đã trả được 01 năm, không đồng ý trả tiếp vì đây là đất của cha ông bà để lại, ông bà được quyền ở nên không phải trả tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lưu Văn Vĩnh trình bày: Năm 2017, ông và vợ là bà T1 có thuê phần đất của bà C1 chiều ngang là 05, chiều dài 03m, hai bên chỉ nói miệng không làm giấy tờ, do xảy ra tranh chấp nên đến nay vợ chồng

ông chưa trả tiền thuê đất cho bà C1. Vợ chồng ông đã cất nhà ở trên phần đất thuê từ năm 2017 đến nay, nếu được chia đất đúng vị trí đất mà ông bà đang cất nhà thì ông không đặt ra yêu cầu gì đối với căn nhà ông đã cất, nếu không đúng vị trí đất đang cất nhà thì ông đồng tự di dời nhà, không đặt ra yêu cầu gì. Còn đối với tiền thuê đất, ông không đồng ý trả tiếp vì đây là đất của cha ông để lại, vợ chồng ông bà được quyền ở nên không phải trả tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh H2 trình bày: Đối với yêu cầu chia thừa kế giữa bà Huỳnh Thị T1 với bà Vương Thị Bửu Cầm và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông không có ý kiến. Ông không yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị D2, ông Tạ Phú Hiền, bà Tạ Thị G trình bày: Bà D2 là vợ của ông Tạ Phú N2; ông Hiền, bà G là con của ông Tạ Phú N2. Trước đây ông Tạ phú nhanh có cho ông Huỳnh Văn Chên mượn 02 chỉ vàng 24k, ông N2 chết vào ngày 06/7/2020, gia đình có nhận được giấy mời và thông báo của Tòa án nhưng vì điều kiện gia đình nên ông bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T2 Thanh L2 và bà T2 Hồng Tươi cùng trình bày: Ông L2, bà T4 là chồng và con của bà Trần Tuyết Quyên. Trước đây bà Q2 có cho ông Huỳnh Văn Chên (là anh ruột của vợ ông) mượn 15 chỉ vàng 24k. Do bà Q2 đã chết và ông L2 yêu cầu người thừa kế của ông Chên có nghĩa vụ thanh toán cho ông bà 15 chỉ vàng 24k.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hồng Thị N3 và ông L1 Văn Trong trình bày: Khoảng năm 2016 vợ chồng ông có sang nhượng phần đất của bà Vương Thị Bửu Cầm, chiều ngang 05m chiều dài 25m, tọa lạc tại ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, với giá 200.000.000 đồng, bà N3 trực tiếp lập hợp đồng với bà C1 và phần đất trên nằm trong phần đất bà C1 đang tranh chấp chia thừa kế với các con của ông Huỳnh Văn Chên nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần đất đã nhận chuyển nhượng của bà C1, ông và Cầm sẽ thỏa thuận riêng nếu xảy ra tranh chấp ông bà sẽ yêu cầu bằng vụ án khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Văn P3 trình bày: Vào ngày *14/12/*2016 ông có sang nhượng phần đất của Lương Huỳnh Hảo, chiều ngang 05m chiều dài 35m, tọa lạc tại ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, với giá 105.000.000 đồng, phần đất này do ông Lương Huỳnh Hảo trực tiếp lập hợp đồng với bà Vương Thị Bửu Cầm và ông Huỳnh Vương Q1. Phần đất trên nằm trong phần đất bà C1 đang tranh chấp chia thừa kế với các con của ông Huỳnh Văn Chên nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần đất đã nhận chuyển nhượng của ông và ông H4 sẽ tự giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Ban Quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi trình bày: Khu đất ông Huỳnh Văn Chên thửa cũ 34 khoảnh 3, tiểu khu 205 (thửa mới)146, khoảnh 3, tiểu khu 205). Trước năm 2007 do ông Huỳnh Văn Chên trực tiếp sản xuất, nhưng chưa được đơn vị thiết lập hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau có quyết định thu hồi số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 về việc thu hồi đất của Ban quản lý bảo vệ và Phát triển rừng Nhưng Miên (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng Miên) tọa lạc tại ấp Nhưng Miên,

xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, với diện tích 145.410,3m^2 giao lại cho UBND xã Viên An Đông để quy hoạch trung tâm xã, trong đó có thu hồi một phần đất của ông Huỳnh Văn Chên. Phần còn lại diện tích 586m^2 thửa 216, khoảnh 3, tiểu khu 205 gia đình ông Chên tiếp tục quản lý cho đến nay. Hiện đơn vị chưa thiết lập hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp do đang xảy ra tranh chấp. Việc chuyển nhượng thành quả lao động từ ông Lý Cương sang ông Huỳnh Văn Chên không thông qua đơn vị nên đơn vị không biết. Nay Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng Miên không có ý kiến gì về phần đất chia thừa kế giữa các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Ủy Ban nhân dân xã Viên An Đông trình bày: Phần đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa số 146, tờ bản đồ số 11 đứng tên Vương Thị Bửu Cầm (theo sổ mục kê và bản đồ địa chính năm 2007) vị trí phần đất tọa lạc tại ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông. Diện tích 16509,3m^2. Trong đó diện tích thuộc Ủy ban xã Viên An Đông quản lý khoảng 16142.3m^2; diện tích chưa thu hồi do Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng Miên quản lý khoản 367m^2 . Diện tích còn lại sau khi thu hồi, giải phóng mặt bằng để xây dựng tuyến đường số 14 và tuyến đường cấp VI thì diện tích còn lại của thửa đất đang tranh chấp khoảng 11,097.1m^2. Qua công tác thu thập xác minh nguồn gốc đất tranh chấp đối với 02 hộ có phần đất ranh (sinh sống lâu năm) thì được biết phần đất này trước năm 2007 là của ông 2 Lý canh tác, sau này sang nhượng lại cho ông Tùng, thời gian sau này được biết phần đất do hộ bà Vương Thị Bửu Cầm, ông Kỷ (chồng bà C1) canh tác đến nay. Còn việc có ai cùng quản lý, canh tác với vợ chồng bà C1 hay không thì không rõ. Phần đất này chưa lập thủ tục hồ sơ và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do trước đây khi lập phương án cấp giấy chứng nhận thì thửa đất này chưa có trong phương án.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông L1 Thanh B trình bày: Trước khi chết ông Chên có mượn của ông 05 chỉ vàng 24k. Đến nay vẫn chưa thanh toán nên ông yêu cầu những người trong hàng thừa kế của ông Huỳnh Văn Chên gồm: bà Vương Bửu C1, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị P1, bà Huỳnh Thúy H1, ông Huỳnh H2, ông Huỳnh Văn D1, bà Huỳnh Hồng L1, bà Huỳnh Thu T2, anh Huỳnh Vương Q1 trả cho ông 05 chỉ vàng 24k. Trong quá trình giải quyết vụ án ông B có đơn đề rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS – ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3. Buộc ông Huỳnh Vương Q1 phải có nghĩa vụ thanh toán lại bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 mỗi người số tiền 39.563.000 đồng. Ông Huỳnh Vương Q1 được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất nuôi trồng thủy sản theo diện tích đo đạt 8.901,7m^2 tọa lạc tại ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (vị trí thửa đất sơ đồ đo đạc kèm theo).

Buộc bà Huỳnh Thị T1 và bà Huỳnh Thúy H1 có trách nhiệm di dời nhà và tài sản gắn liền trên đất để giao đất lại cho ông Huỳnh Vương Q1.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T2 Thanh L2. Buộc bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông T2 Thanh L2 15 chỉ vàng 24k tương đương mỗi người có trach nhiệm thanh toán cho ông L2 số tiền là 13.150.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông L1 Thanh B về yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Chên thanh toán 05 chỉ vàng 24k.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông Huỳnh Văn D1 về yêu cầu chia di sản thừa kế.

Buộc ông Huỳnh Vương Q1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 mỗi người phải thanh toán lại chi phí tố tụng cho bà Huỳnh Thị T1 số tiền 3.190.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất do chậm thi hành, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/9/2022 nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T1 có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận cho bà T1 được nhận 1.271,6 m^2 tọa lạc tại ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau do bà T1 đang gặp khó khăn về nhà ở.

Ngày 17/10/2022 bà Huỳnh Thúy H1, bà Huỳnh Thu T3, bà Huỳnh Thị P1, bà Huỳnh Thu T2 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Tại phiên toà phúc thẩm, những người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1 , bà Huỳnh Thúy H1, bà Huỳnh Thu T3, bà Huỳnh Thị P1, bà Huỳnh Thu T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét về quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản nên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý và giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thúy H1, bà Huỳnh Thu T3, bà Huỳnh Thị P1, bà Huỳnh Thu T2 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm và yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm với lý do:

Cần xác định tổng giá trị di sản của ông Chên theo đúng giá thị trường. Yêu cầu được nhận diện tích đất khi chia di sản vì hiện tại đang có nhà trên đất. Trường hợp không chia nhỏ diện tích đất được thì yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích đất và trả giá trị cho phần ông Q1 được nhận. Yêu cầu dùng tổng di sản thanh toán nợ cho ông L2 rồi sau đó mới chia thừa kế. Yêu cầu bà Vương Bửu C1 phải trả lại tất cả các khoản tiền bà C1 đã nhận từ việc cho thuê đất và bồi thường thành quả lao động, tiền chuyển nhượng đối với các phần di sản của ông Chên để chia thừa kế.

Xét đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị cho xác định tổng giá trị di sản của ông Chên theo đúng giá thị trường. Thấy rằng Tòa án cấp phúc thẩm đã cho ngừng phiên tòa ngày 16/3/2023 theo yêu cầu của nguyên đơn để định giá lại phần tài sản tranh chấp. Tại biên bản ngày 16/3/2023 các đương sự thống nhất chọn Công ty TNHH thẩm định giá Thịnh Việt để định giá tài sản. Tòa án tỉnh Cà Mau đã ra văn bản số 67 ngày 14/4/2023 cho bà Huỳnh Thị T1 yêu cầu ký kết hợp đồng định giá với Công ty Thịnh Việt và cung cấp hợp đồng cho Tòa án, phía bà T1 đã nhận trực tiếp văn bản này nhưng hết thời hạn theo qui định bà T1 vẫn không cung cấp bản hợp đồng ký kết với công ty định giá Thịnh Việt nên xem như đã từ bỏ yêu cầu của mình. Do nghĩa vụ cung cấp chứng cứ tài liệu là của người yêu cầu, Tòa án cấp phúc thẩm đã tạo mọi điều kiện cho đương sự tự thực hiện quyền của mình nhưng nguyên đơn không thực hiện do đó không có căn cứ xem xét lại kháng cáo đối với yêu cầu về giá trị tài sản được chia.

Tại phiên tòa luật sư tranh luận cho rằng do chờ thu thập thêm chứng cứ mới, là quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết trung tâm xã Viên An Đông nên phía nguyên đơn chưa thực hiện ký hợp đồng định giá lại, đây là lý do khách quan. Xét thấy lý do luật sư nêu ra là không có căn cứ bởi lẽ: Trong suốt thời gian ngừng phiên tòa đến lúc Tòa án mở lại phiên tòa thì phía nguyên đơn hoàn toàn không có đơn yêu cầu cho gia hạn thêm thời gian vì lý do trên.

Đối với yêu cầu được nhận diện tích đất khi chia di sản, không đồng ý chia giá trị tài sản vì hiện tại đang có nhà trên đất. Trường hợp không chia nhỏ diện tích đất được thì yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích đất và trả giá trị cho phần ông Q1 được nhận. Thấy rằng: Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 8.901,7m^2 tọa lạc tại ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau là đất thuộc quyền quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Đất M2, phần còn lại thuộc quản lý Ủy ban xã Viên An Đông, không phải là đất thuộc quyền sử dụng của người chết để lại và cũng không thuộc trường hợp được tách thửa. Mặt khác theo biên bản xác minh ngày 26/5/2023 đối với ông H4 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã khẳng định phần đất tranh chấp nằm trong diện qui hoạch xây dựng nên sẽ không xem xét việc cấp quyền sử dụng đất cho ai cũng như tách thửa đối với phần đất. Án sơ thẩm xác định di sản người chết là ông Chên để lại chỉ là giá trị thành quả lao động trên phần đất 8.901,7m^2 theo chứng thư định giá có giá trị là 356.068.000 đồng đồng

thời không chấp nhận chia bằng hiện vật là đất mà chia theo giá trị thành quả lao động trên đất là có căn cứ và phù hợp.

Đối với ý kiến tranh luận cho rằng biên bản xác minh không khách quan do ông H4 có mối quan hệ bà con với bị đơn thấy rằng: Ông H4 là thành viên trong Hội đồng xét qui hoạch cũng đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Viên An Đông. Trình bày của ông H4 là căn cứ vào quyết định qui hoạch cùng các tài liệu liên quan, đồng thời nội dung xác minh phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ mà Tòa án cấp sơ thẩm trước đây đã thu thập được. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía bị đơn cũng chưa có chứng cứ nào khẳng định việc xác nhận này là không khách quan, nội dung ông H4 trình bày và ký tên tại biên bản xác minh với tư cách Chủ tịch xã Viên An Đông thì ông H4 phải chịu trách nhiệm pháp lý về những gì ông đã trình bày.

Đối với yêu cầu được ưu tiên nhận toàn bộ phần đất mà không đồng ý nhận giá trị bằng tiền thấy rằng: Phần di sản này từ trước tới nay là do bà Vương Bữu Cầm và anh Huỳnh Vương Q1 đang trực tiếp quản lý, sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giao cho anh Q1 quản lý, sử dụng và có trách nhiệm thanh toán lại cho bà T1, bà P1, bà H1, bà T3, bà T2, bà L1 mỗi người một phần giá trị di sản bằng với số tiền 39.563.000 đồng là có cơ sở và phù hợp.

Đối với kháng cáo các đương sự yêu cầu dùng tổng di sản thanh toán nợ cho ông L2 rồi sau đó mới chia thừa kế. Trước đây bà Q2 có cho ông Huỳnh Văn Chên mượn 15 chỉ vàng 24k. Nay ông L2 yêu cầu người thừa kế của ông Chên có nghĩa vụ thanh toán cho ông bà 15 chỉ vàng 24k. Khi bà Q2 cho ông Chên mượn vàng không lập thành văn bản phía bà C1 và anh Q1 không thừa nhận có mượn vàng, nhưng bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 đồng ý trả nếu được hưởng di sản của ông Chên nên buộc bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Trang Thanh L2 15 chỉ vàng 24k tương đương 15 x 5.260.000 đồng = 78.900.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông L2 số tiền là 13.150.000 đồng. Xét đây là tự nguyện của các đương sự và phù hợp qui định pháp luật nên án sơ thẩm đã ghi nhận là có cơ sở.

Đối với kháng cáo yêu cầu bà Vương Bửu C1 phải trả lại tất cả các khoản tiền bà C1 đã nhận từ việc cho thuê đất và bồi thường thành quả lao động, tiền chuyển nhượng đối với các phần di sản của ông Chên để chia thừa kế. Thấy rằng đối với yêu cầu này tại đơn khởi kiện quá trình giải quyết cấp sơ thẩm các đương sự không đặt ra, cấp sơ thẩm không xem xét nên cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết.

Từ những nhận định như đã nêu trên, quyết định của bản án sơ thẩm là có có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm những người kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu theo qui định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân Ngọc Hiển.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3. Buộc ông Huỳnh Vương Q1 phải có nghĩa vụ thanh toán lại bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 mỗi người số tiền 39.563.000 đồng. Ông Huỳnh Vương Q1 được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất nuôi trồng thủy sản theo diện tích đo đạt 8.901,7m^2 tọa lạc tại ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (vị trí thửa đất sơ đồ đo đạc kèm theo).

Buộc bà Huỳnh Thị T1 và bà Huỳnh Thúy H1 có trách nhiệm di dời nhà và tài sản gắn liền trên đất để giao đất lại cho ông Huỳnh Vương Q1.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T2 Thanh L2. Buộc bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông T2 Thanh L2 15 chỉ vàng 24k tương đương mỗi người có trach nhiệm thanh toán cho ông L2 số tiền là 13.150.000 đồng.

Kể từ khi bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Huỳnh Vương Q1 chậm trả khoản tiền trên cho bà T1, bà P1, bà H1, bà L1, bà T2, bà T3 thì ông Q1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Kể từ khi ông T2 Thanh L2 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 chậm trả khoản tiền trên cho ông L2, thì bà T1, bà P1, bà H1, bà T2, bà T3 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông L1 Thanh B về yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Chên thanh toán 05 chỉ vàng 24k.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông Huỳnh Văn D1 về yêu cầu chia di sản thừa kế.

Buộc ông Huỳnh Vương Q1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 mỗi người phải thanh toán lại chi phí tố tụng cho bà Huỳnh Thị T1 số tiền 3.190.000 đồng.

Kể từ khi bà Huỳnh Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Huỳnh Vương Q1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 chậm trả khoản tiền trên cho bà T1, thì ông Q1, bà P1, bà H1, bà L1, bà T2, bà T3 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí:

- Ông Huỳnh Vương Q1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.978.000 đồng (tính tròn số).

- Bà Huỳnh Thị T1; bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 mỗi người phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.321.000 đồng. Bà Huỳnh Thị P1 thuộc đối tượng đượng miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Riêng bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Hồng L1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 thuộc đối tượng được giảm 50% án phí nên mỗi người phải chịu 660.000 đồng (tính tròn số).

- Bà Huỳnh Thị T1 đã dự nộp số tiền 6.785.000 đồng theo biên lai thu số 0014073 ngày 22/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, được đối trừ phần còn thừa phần còn thừa bà T1 được nhận lại.

- Bà Huỳnh Thúy H1 đã dự nộp số tiền 3.392.000 đồng theo biên lai thu số 0014120 ngày 15/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, được đối trừ phần còn thừa phần còn thừa bà H1 được nhận lại.

- Bà Huỳnh Hồng L1 đã dự nộp số tiền 3.392.000 đồng theo biên lai thu số 0014119 ngày 15/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, được đối trừ phần còn thừa phần còn thừa bà L1 được nhận lại.

- Bà Huỳnh Thu T2 đã dự nộp số tiền 3.392.000 đồng theo biên lai thu số 0014117 ngày 15/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, được đối trừ phần còn thừa phần còn thừa bà L1 được nhận lại.

- Ông Huỳnh Văn D1 đã dự nộp số tiền 3.392.000 đồng theo biên lai thu số 0014118 ngày 15/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, ông D1 được được nhận lại.

Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị T1 được xét miễn nộp. Bà Huỳnh Thị P1; bà Huỳnh Thúy H1; bà Huỳnh Thu T2; bà Huỳnh Thu T3 mỗi người phải nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Bà P1, bà H1, bà T2, bà T3 đã dự nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại các lai thu số 0020213, số 0020214, số 0020215, 0020216 cùng ngày 18/10/2023 được chuyển thu đối trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền **Dương Hùng Quang** **Châu Minh Hoàng**

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Hoàng